

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **192/2026/HNGĐ-ST.**

Ngày 31/3/2026

“V/v không công nhận vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chung, bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Giang – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang (Cơ sở 1). Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2026/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2026, về việc *“Không công nhận vợ chồng”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Duy H**, sinh ngày 17/01/1974

Địa chỉ: Thôn K, xã X, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Bị đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh ngày 21/6/1979

Địa chỉ: Thôn K, xã X, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Duy H trình bày:

Anh và chị Lê Thị D được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 1996, khi về chung sống với nhau có được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn

theo quy định. Sau khi cưới cả hai chung sống cùng nhau tại thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là: thôn K, xã X, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống trước đây vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, nhưng vài năm trở lại đây giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, chị D đi làm ăn xa ít khi về nhà, không quan tâm đến gia đình dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ khoảng năm 2021 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị D đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Do hai vợ chồng không đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh H xác định anh và chị Lê Thị D có 02 con chung là cháu: Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/01/1997 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 21/4/2003. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) có khả năng lao động tự lực nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh H xác định, anh và chị Lê Thị D không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Duy H được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 1996, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới cả hai cùng chung sống tại thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (nay là: thôn K, xã X, tỉnh Tuyên Quang). Quá trình chung sống trước đây vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra, nhưng vài năm trở lại đây giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, do không thể chung sống được nên chị đã đi làm ăn xa và đã sống ly thân từ khoảng năm 2021 cho đến nay, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh H đến nay đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do chị và anh H không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh H là vợ chồng theo quy định.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Duy H có 02 con chung là cháu: Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/01/1997 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 21/4/2003. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) có khả năng lao động nên

không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh Nguyễn Duy H không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Duy H và chị Lê Thị D.

+ Về con chung: 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/01/1997 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 21/4/2003. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị Bàn Thị H2 theo quy định.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đương sự; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tiến hành xác minh tại thôn K, xã X, UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Duy H và chị Lê Thị D chung sống với nhau từ khoảng năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống đã có con chung, anh H đề nghị Tòa án tuyên bố anh và chị D không phải là vợ chồng nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà

không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Lê Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã X, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của đương sự; kết quả xác minh tại thôn K, xã X, tỉnh Tuyên Quang có cơ sở xác định: Anh Nguyễn Duy H và chị Lê Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 1996 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H xác định không thể chung sống với chị D được nữa.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; HĐXX xét thấy: Việc anh Nguyễn Duy H và chị Lê Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy H, tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Duy H và chị Lê Thị D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Các đương sự cùng xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 22/01/1997 và cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 21/4/2003. Hiện nay cả hai cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Lê Duy H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị Lê Thị D không phải chịu án phí; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không công nhận anh Nguyễn Duy H và chị Lê Thị D là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 54 ngày 20/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Lê Thị D không phải chịu tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Xuân Vân;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thủy Nguyễn Duy Chung

Vũ Mạnh Hồng

